

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thiện

Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thanh Liên

Bà Nguyễn Ngọc Sương

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Hạnh – Cán bộ
Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên
tòa: Bà Bùi Thị Doan- Kiểm sát viên.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 15/2016/TLST-HNGĐ
ngày 07/04/2016 về việc “*Tranh chấp tài sản sau khi ly hôn*”

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ
án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của
luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trương Đăng M, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Minh Q, theo văn bản ủy quyền số 615
ngày 22/10/2017 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Q, thị trấn M, huyện T, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Đặng Văn Q, Luật sư
thuộc Công ty TNHH Luật V. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị Thùy L (Phạm Thụy L Thi), sinh năm 1972. Quốc tịch: Việt Nam (vắng mặt)

Địa chỉ liên lạc: Norway.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Thị C, theo văn bản ủy quyền ngày 08/3/2017 của Đại sứ quán Việt Nam tại Vương Quốc Na Uy (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

2. Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1945 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

3. Trương Thị Thanh T2, sinh năm 1991 (vắng mặt)

4. Trương Đăng T3, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (vắng mặt- có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Bà Nguyễn Thị Kim T được toàn quyền sử dụng, định đoạt đối với diện tích 192,5m² đất thuộc thửa 101, tờ bản đồ số 32 tại Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và được quyền sở hữu toàn bộ căn nhà cấp 4A3 diện tích 120m² và các tài sản khác tọa lạc trên đất (*theo sơ đồ vị trí do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Thành lập ngày 20/6/2017*). Đất đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 824372 ngày 22/9/2005 do ông Trương Đăng M đứng tên.

2.2 Bà Nguyễn Thị Kim T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu) đồng cho ông Trương Đăng M khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2.3 Về tài sản chung khác: Các bên thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4 Về nợ chung: Đối với khoản nợ của bà Phạm Thị Thùy L thì các đương sự gồm ông M, bà T và bà C thỏa thuận đề nghị Tòa án không giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.5 Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 20.000.000đ (hai mươi triệu) đồng.

- Ông Trương Đăng M phải chịu 20.000.000đ (hai mươi triệu) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 08816 ngày 18/8/2015 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh

Bà Rịa - Vũng Tàu. Như vậy, ông M còn phải nộp thêm số tiền 12.500.000đ (mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

2.6 Về chi phí đo vẽ, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Trương Đăng M và bà Nguyễn Thị Kim T mỗi người phải chịu 1.532.000 đồng. *(Các đương sự đã nộp đủ).*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh BR-VT
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- CC THADS H Tân Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đoàn Ngọc Thiện

CÁC ĐƯƠNG SỰ

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh BR-VT
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- CC THADS H Tân Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Ngọc Thiện

CÁC ĐƯỜNG SỰ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA

CÁC ĐƯƠNG SỰ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh BR-VT
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- CC THADS H Tân Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Ngọc Thiện

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

(6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:

- Ghi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)